UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NỘI VỤ

Số: 227 /SNV-CCVC
V/v góp ý dự thảo văn bản trình Nghị quyết thay thế Nghị Quyết số 143/2014/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Kính gửi:
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Triển khai ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 541/UBND-TH ngày 17/01/2019 về việc kế hoạch xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

Để đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao Sở Nội vụ đã dự thảo các văn bản như sau:

1. Tờ trình xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Báo cáo Đánh giá tác động chính sách về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk.

3. Báo cáo thuyết minh Lý do thay đổi Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk.

Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia đóng góp ý về nội dung các văn bản dự thảo để Sở Nội vụ có cơ sở hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đúng quy định.

Văn bản dự thảo được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ địa chỉ: www.sonoivu.daklak.gov.vn.

Nhận được Công văn này, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến góp ý trước ngày **27/02/2019** gửi về Sở Nội vụ và qua địa chỉ email: cbccvc@noivu.daklak.gov.vn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NỘI VỤ

Phạm Văn Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /UBND-KGVX	*Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2019*

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Đánh giá tác động chính sách về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học;điều động, luân chuyển đối với cán bộ,công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nhằm động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện việc điều động, luân chuyển đến nhận nhiệm vụ ở các cơ quan, đơn vị khác qua đó giúp cán bộ công chức, viên chức giảm bớt khó khăn khi đến nơi nhận công tác mới tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao, gắn bó với công việc, là động lực thúc đẩy việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Vì vậy, ngày 13/12/2014 HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk;

Tính đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được hưởng các chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển được 2 lần, với số tiền chi trả là: 6.464.430.000 đồng (Sáu tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng): Lần 1 Có 101 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển năm 2017, với tổng số kinh phí chi trả là 3.222.875.000 đồng (Ba tỷ hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăn ngàn đồng chẵn); Lần 2 Có 91 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển năm 2017 (ban hành tại Quyết định số 1676/QĐ – UBND, ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số kinh phí chi trả: 3.241.550.000 đồng (Ba tỷ hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo sau Đại học:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau Đại học: Lần 1 là 47 người (được ban hành tại Quyết định số 350/QĐ – UBND, ngày 16/2/2017của UBND tỉnh) với số tiền 2.254.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi tư triệu đồng); Lần 2: là 40 người với số tiền

2.028.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi tám triệu đồng). Trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, …. người với số tiền tương ứng là:…….

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau Đại học là ….. người tương ứng với số tiền là …., trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, …. người với số tiền tương ứng là:…….

2. Chính sách hỗ trợ điều động:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ trợ điều động: Lần 1 là 28 người tại Quyết định số 1810/QĐ – UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 350/QĐ – UBND, ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh với số tiền hỗ trợ 453.675.000 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng); Lần 2 là 30 người với số tiền hỗ trợ 664.300.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu ba trăm ngàn đồng). Trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, …. người với số tiền tương ứng là:…….

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ điều động là ….. người tương ứng với số tiền là …., trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, …. người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, …. người với số tiền tương ứng là:…….

3. Chính sách hỗ trợ luân chuyển:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ trợ Luân chuyển: Lần 1 là 26 người (được ban hành tại Quyết định số 350/QĐ – UBND, ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh) với số tiền 515.200.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng). Lần 2 là 21 người với số tiền

549.250.000 đồng (Năm trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……
- Năm 2016, …. người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2017, …. người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2018, …. người với số tiền tương ứng là:…….

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ luân chuyển là ….. người tương ứng với số tiền là …., trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……
- Năm 2016, …. người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2017, …. người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2018, …. người với số tiền tương ứng là:…….

2. Mục tiêu của xây dựng chính sách

a) Mục tiêu của chính sách:

Nhằm tạo điều kiện an tâm công tác cho cán bộ, công chức, viên chức khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động về làm việc tại các huyện và các xã còn khó khăn trên địa bàn tỉnh thì được hưởng chính sách hỗ trợ.

Việc xây dựng Nghị quyết thay thế của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo ,quản lý phải bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Phạm vi, Đối tượng áp dụng:

- Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động.
- Cán bộ, công chức khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động đến làm việc tại các huyện và các xã còn khó khăn trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Sau 4 năm triển khai thực Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, ngoài kết quả đạt được. Nghị quyết cũng thể hiện một số bất cập sau:

- Điều kiện hỗ trợ sau đại học (Điểm a, Khoản 2, Mục I, Điều I, Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND) quy định "Chuyên ngành sau đại học phải cùng chuyên ngành đã học trước đó" nội dung này rất khó triển khai trong thực tế, vì chuyên ngành đào tạo sau đại học phần lớn rất khác với các chuyên ngành đào tạo đại học mà phần lớn chỉ tập trung vào nhóm viên chức thuộc ngành giáo dục và y tế còn đối với đội ngũ công chức chiếm tỷ lệ rất ít hoặc có trường hợp bằng đại học không chính quy, khi đi học thạc sỹ rồi tiếp tục học tiến sỹ, khi xem xét trường hợp này không có trong quy định của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

- Mức hỗ trợ đối với đối tượng tham gia đào tạo sau đại học quá cao so với mức hỗ trợ của đối tượng tham gia chính sách hỗ trợ điều động, luân chuyển dẫn đến chi phí hỗ trợ đào tạo sau đại học chiếm tỷ lệ cao so với kinh phí chi trả chính sách hàng năm.

- Việc cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học sau đại học đã được hỗ trợ kinh phí đào tạo của cơ quan, đơn vị sau đó lại được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi tốt nghiệp. Ngược lại cán bộ, công chức, viên chức tự túc đi học thì không thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi tốt nghiệp.

- Quy định về điều kiện về kết quả tốt nghiệp hưởng chính sách: "Đối với thạc sỹ phải có kết quả bảo vệ luận văn đạt loại *giỏi, xuất sắc*"; quy định này dẫn đến việc hỗ trợ không công bằng giữa các đối tượng điều chỉnh được thụ hưởng cùng một loại chính sách, ví dụ như: thạc sỹ y khoa có luận văn tốt nghiệp đạt loại khá trở xuống thì không được hưởng chính sách hỗ trợ như các đối tượng khác là bác sỹ Chuyên khoa cấp I, dược sỹ Chuyên khoa cấp I có điểm tốt nghiệp trung bình.

- Nghị quyết hỗ trợ cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức ở tất cả các ngành, lĩnh vực như vậy là dàn trải, không có trọng tâm, chưa chú trọng đến lĩnh vực cần nguồn nhân lực chất lượng cao đang còn thiếu ở địa phương, do vậy, nguồn kinh phí của tỉnh bảo đảm cho việc chi trả còn gặp nhiều khó khăn;

- Nghị quyết cũng chưa quy định khi phí hỗ trợ do cấp nào chi, theo Quyết định số 06/2016/QĐ – UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND thì kinh phí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh, tuy nhiên trong thực tế có nhiều bất cập, vì có những trường hợp cán bộ công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã được cử đi đào tạo sau đại học nhưng lại chi hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là chưa phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để khắc phục một số bất cập nêu trên của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND thì cần phải ban hành Nghị quyết để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết 143/2004/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hiện nay Chính phủ đã ban hành 2 Nghị định đó là: Nghị định số 101/2017/NĐ- CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 140/2017/NĐ – CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; mặt khác, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất khi xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế thì sẽ không đưa chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học vào Nghị quyết, do đã có chính sách chung của nhà nước, đảm bảo công bằng giữa các đối tượng và giảm chi phí cho ngân sách của tỉnh đang còn khó khăn.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Khi chính sách có thay đổi thì ít nhiều ảnh hưởng đến quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức, giữa những người được hưởng và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ sau đại học. Tuy nhiên, đây là chính sách của địa phương chỉ phù hợp trong một thời gian nhất định do vậy cần phải bổ sung, sửa đổi chính sách để phù hợp với tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

2. Chính sách điều động, luân chuyển

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển về cơ sở vùng khó khăn cũng được hưởng chính như cán bộ, công chức, viên chức được sách điều động, luân chuyển về nơi có điều kiện kinh tế phát triển là chưa thể hiện tính công bằng của chính sách.

- Nghị quyết quy định khoảng cách để hưởng chính sách là "khoảng cách đơn vị công tác giữa nơi đi và nơi đến là 15 km trở lên", việc quy định này chưa hợp lý dẫn đến đến đối tượng áp dụng quá rộng, chưa phân biệt được địa bàn khó khăn, thuận lợi, chưa đảm bảo tính công bằng của chính sách.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương thì đề nghị tăng mức hỗ trợ kinh phí để phù hợp với thực tế hiện nay.

- Cán bộ, công chức khi được điều động luân chuyển về cơ sở công tác được hưởng chế độ chính sách; khi hết thời hạn được điều động, luân chuyển về lại đơn vị cũ lại được hưởng theo chế độ điều động. Như vậy, với một cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách 2 lần trong thời gian được điều động luân chuyển.

- Về đối tượng áp dụng để được hưởng chính sách điều động, luân chuyển; chính sách hỗ trợ và ưu đãi phải được cấp có thẩm quyền quyết định, việc quy định cấp có thẩm quyền này còn chung chung dẫn đến khi triển khai thực hiện gặp khó khăn như: Giám đốc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hàng năm điều động, luân chuyển giáo viên Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, kế toán các trường thuộc các cấp học, Giám đốc, phó Giám đốc các Trung tâm, bệnh viện thuộc ngành y tế đều được hưởng như các đối tượng thuộc tỉnh quản lý và quyết định điều động, luân chuyển là không phù hợp và khả năng cân đối nguồn ngân sách chi trả của tỉnh.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để khắc phục một số bất cập nêu trên của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị quyết để thay thế.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Để khắc phục một số bất cập trên của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị quyết để thay thế theo hướng:

- Thu gọn đối tượng CBCCVC được điều động, luân chuyển để hưởng chính sách

- Xác định các huyện, thị xã, thành phố và các xã khó khăn.

- Tăng mức kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng CBCCVC được hưởng chính sách.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Việc thay đổi chính sách cụ thể là việc thu hẹp đối tượng được hưởng chính sách sẽ tác động đến quyền lợi của một số đối tượng có liên quan. Tuy nhiên, đây là chính sách của địa phương chỉ phù hợp trong một thời gian nhất định, do vậy cần phải bổ sung, sửa đổi chính sách để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo công bằng, khả năng ngân sách của tỉnh. Mặt khác, việc thay đổi chính sách theo hướng tăng mức kinh phí hỗ trợ cho đối tượng CBCCVC được điều động, luân chuyển đến các địa phương khó khăn sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn và tạo động lực mới cho người được hưởng chinh sách.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

III. Lấy ý kiến

- Lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các Tổ chức Đảng, Đoàn thể về đề nghị ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ – HĐND tỉnh theo Điều 112 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các Tổ chức Đảng, Đoàn thể đề nghị ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ – HĐND của HĐND tỉnh.

IV. Giám sát và đánh giá

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động việc đề nghị ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh. UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- TT HĐND và UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- Phòng:TH, KGVX, KT;
- Lưu: VT, TH (Ph 15b).

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số : /TTr – SNV	*Đắk Lắk, ngày tháng năm 2019*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ- HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT THAY THẾ

Ngay sau khi Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh có hiệu lực, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 về việc quy định chi tiết thực hiện Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk;

Qua 04 năm triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được hưởng các chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển được 2 lần, với số tổng số cán bộ, công chức, viên chức được chi trả là 192 người với tổng số tiền chi trả là: 6.464.430.000 đồng (Sáu tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng): Lần 1 có 101 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển năm 2017, với tổng số kinh phí chi trả là 3.222.875.000 đồng (Ba tỷ hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăn ngàn đồng chẵn); Lần 2 Có 91 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển năm 2017 (ban hành tại Quyết định số 1676/QĐ – UBND, ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số kinh phí chi trả: 3.241.550.000 đồng (Ba tỷ hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Chính sách hỗ trợ đào tạo sau Đại học:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ

trợ đào tạo sau Đại học: Lần 1 là 47 người (được ban hành tại Quyết định số 350/QĐ – UBND, ngày 16/2/2017của UBND tỉnh) với số tiền 2.254.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi tư triệu đồng); Lần 2: là 40 người với số tiền 2.028.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi tám triệu đồng). Trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, ….người với số tiền tương ứng là:…….

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau Đại học là ….. người tương ứng với số tiền là …., trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, ….người với số tiền tương ứng là:…….

2. Chính sách hỗ trợ điều động:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ trợ điều động: Lần 1 là 28 người tại Quyết định số 1810/QĐ–UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 350/QĐ – UBND, ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh với số tiền hỗ trợ 453.675.000 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng); Lần 2 là 30 người với số tiền hỗ trợ 664.300.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tư triệu ba trăm ngàn đồng). Trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, ….người với số tiền tương ứng là:…….

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ điều động là ….. người tương ứng với số tiền là …., trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……

- Năm 2016, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2017, ….người với số tiền tương ứng là:…….

- Năm 2018, ….người với số tiền tương ứng là:…….

3. Chính sách hỗ trợ luân chuyển:

a) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chính sách hỗ

trợ Luân chuyển: Lần 1 là 26 người (được ban hành tại Quyết định số 350/QĐ – UBND, ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh) với số tiền 515.200.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng).Lần 2 là 21 người với số tiền 549.250.000 đồng (Năm trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).Trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……
- Năm 2016, ….người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2017, ….người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2018, ….người với số tiền tương ứng là:…….

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ điều động là ….. người tương ứng với số tiền là …., trong đó:

- Năm 2015, … người với số tiền tương ứng là:……
- Năm 2016, ….người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2017, ….người với số tiền tương ứng là:…….
- Năm 2018, ….người với số tiền tương ứng là:…….

3. Đánh giá chung

Về cơ bản Nghị quyết số 143/NQ- HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh có đầy đủ cơ sở pháp lý về thẩm quyền, nội dung, đảm bảo sự cần thiết ban hành nhằm động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hỗ trợ phần nào những khó khăn ban đầu đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện việc điều động, luân chuyển đến nhận nhiệm vụ ở các cơ quan, đơn vị khác, tạo điều kiện cho cán bộ công chức, viên chức giảm bớt khó khăn khi đến nơi nhận công tác mới tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao, gắn bó với công việc, là động lực thúc đẩy việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai và thực hiện đã bộc lộ một số bất cập như sau:

a) Về chính sách đào tạo sau đại học:

- Điều kiện hỗ trợ sau đai học (Điểm a, Khoản 2, Mục I, Điều I, Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND) quy định "Chuyên ngành sau đại học phải cùng chuyên ngành đã học trước đó" nội dung này rất khó triển khai trong thực tế, vì chuyên ngành đào tạo sau đại học phần lớn rất khác với các chuyên ngành đào tạo đại học mà phần lớn chỉ tập trung vào nhóm viên chức thuộc ngành giáo dục và y tế còn đối với đội ngũ công chức chiếm tỷ lệ rất ít hoặc có trường hợp bằng đại học không chính quy, khi đi học thạc sỹ rồi tiếp tục học tiến sỹ, khi xem xét trường hợp này không có trong quy định của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

- Mức hỗ trợ đối với đối tượng tham gia đào tạo sau đại học quá cao so với mức hỗ trợ của đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ điều động, luân chuyển dẫn đến chi phí hỗ trợ đào tạo sau đại học chiếm tỷ lệ cao so với kinh phí chi trả chính sách hàng năm.

- Việc cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học sau đại học đã được hỗ trợ kinh phí đào tạo của cơ quan, đơn vị sau đó lại được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi tốt nghiệp. Ngược lại cán bộ, công chức, viên chức tự túc đi học thì không thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi tốt nghiệp. Không đảm bảo tính công bằng trong thực hiện chính sách.

- Quy định về điều kiện về kết quả tốt nghiệp hưởng chính sách: "Đối với thạc sỹ phải có kết quả bảo vệ luận văn đạt loại *giỏi, xuất sắc*"; quy định này dẫn đến việc hỗ trợ không công bằng giữa các đối tượng điều chỉnh được thụ hưởng cùng một loại chính sách, ví dụ như: thạc sỹ y khoa có luận văn tốt nghiệp đạt loại khá trở xuống thì không được hưởng chính sách hỗ trợ như các đối tượng khác là bác sỹ Chuyên khoa cấp I, dược sỹ Chuyên khoa cấp I có điểm tốt nghiệp trung bình.

- Nghị quyết hỗ trợ cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách là cán bộ, công chức, viên chức ở tất cả các ngành, lĩnh vực; Quy định như vậy là dàn trải, không có trọng tâm, chưa chủ trọng đến lĩnh vực cần nguồn nhân lực chất lượng cao đang còn thiếu ở địa phương, do vậy, nguồn kinh phí của tỉnh bảo đảm cho việc chi trả còn gặp nhiều khó khăn và không đảm bảo nguồn kinh phí để chi trả

- Nghị quyết cũng chưa quy định kinh phí hỗ trợ do cấp nào chi, theo Quyết định số 06/2016/QĐ – UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND thì kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh, tuy nhiên trong thực tế có nhiều bất cập, vì có những trường hợp cán bộ công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã được cử đi đào tạo sau đại học hoặc điều động luân chuyển nhưng lại chi hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là chưa phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Về chính sách điều động, luân chuyển:

- Cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển về cơ sở vùng khó khăn cũng được hưởng chính như cán bộ, công chức, viên chức được sách điều động, luân chuyển về nơi có điều kiện kinh tế phát triển là chưa thể hiện tính phù hợp và công bằng của chính sách.

- Nghị quyết quy định hưởng chính sách là "khoảng cách đơn vị công tác giữa nơi đi và nơi đến là 15 km trở lên", việc quy định này chưa hợp lý dẫn đến đến đối tượng áp dụng quá rộng, chưa phân biệt được địa bàn khó khăn, thuận lợi, chưa đảm bảo tính công bằng của chính sách.

- Một số cơ sở pháp lý để xây dựng Nghị quyết 143 như: Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công

chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức. Hiện nay Chính phủ đã ban hành 2 Nghị định đó là: Nghị định số 101/2017/NĐ- CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 140/2017/NĐ – CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; mặt khác, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất khi xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế thì sẽ không đưa chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học vào Nghị quyết, do đã có chính sách chung của nhà nước, đảm bảo công bằng giữa các đối tượng và giảm chi phí cho ngân sách của tỉnh đang còn khó khăn.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị tăng mức hỗ trợ kinh phí để phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

- Cán bộ, công chức khi được điều động luân chuyển về cơ sở công tác được hưởng chế độ chính sách; khi hết thời hạn được điều động, luân chuyển về lại đơn vị cũ lại được hưởng theo chế độ điều động. Như vậy, với một cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách 2 lần trong thời gian được điều động luân chuyển.

- Về đối tượng áp dụng để được hưởng chính sách điều động, luân chuyển; chính sách hỗ trợ và ưu đãi phải được cấp có thẩm quyền quyết định, việc quy định cấp có thẩm quyền này còn chung chung dẫn đến khi triển khai thực hiện gặp khó khăn như: Giám đốc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hàng năm điều động, luân chuyển giáo viên Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, kế toán các trường thuộc các cấp học, Giám đốc, phó Giám đốc các Trung tâm, bệnh viện thuộc ngành y tế đều được hưởng như các đối tượng thuộc tỉnh quản lý và quyết định điều động, luân chuyển là không phù hợp và khả năng cân đối nguồn ngân sách chi trả của tỉnh.

Xuất phát từ những bất cập, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh trong những năm qua, UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ- HĐND là cần thiết, để khắc phục những bất cập, hạn chế, đảm bảo sự công bằng trong việc ban hành chính sách, thực hiện chính sách phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1.Mục đích:

Nhằm tạo điều kiện an tâm công tác cho cán bộ, công chức, viên chức khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động về làm việc tại các huyện và các xã còn khó khăn trên địa bàn tỉnh thì được hưởng chính sách hỗ trợ.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

Việc xây dựng Nghị quyết thay thế của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo ,quản lý phải bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành và đảm bảo khả năng ngân sách của địa phương.

3. Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số101/2017/NĐ- CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 140/2017/NĐ - CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

- Nghị định số 161/2018/NĐ –CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1.Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động.

2.Đối tượng áp dụng:

Cán bộ, công chức khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động đến làm việc tại các huyện và các xã còn khó khăn trên địa bàn tỉnh.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Mục tiêu của chính sách:

Nhằm tạo điều kiện an tâm công tác cho cán bộ, công chức, viên chức khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố luân chuyển, điều động về làm việc tại các huyện và các xã còn khó khăn trên địa bàn tỉnh thì được hưởng chính sách hỗ trợ.

2. Nội dung của chính sách:

Quy định mức chi, nội dung chi và phân cấp việc chi trả hỗ trợ chính sách cho các đối tượng được luân chuyển, điều động.

3. Giải pháp thực hiện chính sách:

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND là chính sách đặc thù của địa phương trên cơ sở ngân sách của địa phương đảm bảo thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1.Về đối tượng thụ hưởng chính sách:

Căn cứ quyết định luân chuyển, điều động cán bộ công chức, lãnh đạo quản lý của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Về kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách của địa phương nơi cán bộ, công chức, lãnh đạo quản lý đến nhận công tác chi trả theo Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN THÔNG QUA

Dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa IX năm 2019. *(Gửi kèm theo: báo cáo thuyết minh và các văn bản có liên quan).*

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh.UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT,PCT UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
- Công an tỉnh;
- Các phòng: NC. KT;
- Lưu VT, TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Lý do thay đổi Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk

(kèm theo Tờ trình số ...../TTr –UBND ngày...../...../2019 của UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số101/2017/NĐ- CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 140/2017/NĐ - CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

-Nghị định số 161/2018/NĐ –CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THAY THẾ

1. Đối tượng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức có được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học trong nước quy định tại Điều 6 Nghị định số101/2017/NĐ- CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; và đối tượng được quy định tại Điều 2, Nghị định số 140/2017/NĐ - CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

b) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi được cấp có thẩm quyền quyết định điều động, hoặc cơ quan có thẩm quyền luân chuyển (Cán bộ, công chức, viên chức có được cấp có thẩm quyền (chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức và viên chức sang công chức, không áp dụng đối với viên chức sang viên chức) từ cơ quan, tổ chức, đơn vị đến làm việc ở cơ quan tổ chức, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh;

2. Phạm vi thay thế:

a) Về phần căn cứ

- Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

- Nghị định số 18/2010/NĐ – CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

- Nghị định số 24/2010/NĐ – CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 29/2012/NĐ – CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 03/2011/TT – BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiệm một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ – CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

- Thông tư 15/2012/TTr- BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

b) Nội dung thay thế

* Về chính sách đào tạo sau đại học:

- Theo quy định tại của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, thì điều kiện hỗ trợ sau đai học (Điểm a, Khoản 2, Mục I, Điều I, Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND) quy định "Chuyên ngành sau đại học phải cùng chuyên ngành đã học trước đó" nội dung này rất khó triển khai trong thực tế, vì chuyên ngành đào tạo sau đại học phần lớn rất khác với các chuyên ngành đào tạo đại học mà phần lớn chỉ tập trung vào nhóm viên chức thuộc ngành giáo dục và y tế còn đối với đội ngũ công chức chiếm tỷ lệ rất ít hoặc có trường hợp bằng đại học không chính quy, khi đi học thạc sỹ rồi tiếp tục học tiến sỹ, khi xem xét trường hợp này không có trong quy định của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

- Mức hỗ trợ đối với đối tượng được hưởng chính sách đào tạo sau đại học quá cao so với mức hỗ trợ của đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ điều động, luân chuyển dẫn đến chi phí hỗ trợ đào tạo sau đại học chiếm tỷ lệ cao so với kinh phí chi trả chính sách hàng năm.

- Việc cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học sau đại học đã được hỗ trợ kinh phí đào tạo của cơ quan, đơn vị, lại được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi tốt nghiệp. Ngược lại cán bộ, công chức, viên chức tự túc đi học thì không thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau khi tốt nghiệp.

- Quy định về điều kiện về kết quả tốt nghiệp hưởng chính sách: "Đối với thạc sỹ phải có kết quả bảo vệ luận văn đạt loại *giỏi, xuất sắc*"; quy định này dẫn đến việc hỗ trợ không công bằng giữa các đối tượng điều chỉnh được thụ hưởng cùng một loại chính sách, ví dụ như: thạc sỹ y khoa có luận văn tốt nghiệp đạt loại khá trở xuống thì không được hưởng chính sách hỗ trợ như các đối tượng khác là bác sỹ Chuyên khoa cấp I, dược sỹ Chuyên khoa cấp I có điểm tốt nghiệp trung bình.

- Nghị quyết hỗ trợ cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức ở tất cả các ngành, lĩnh vực như vậy là dàn trải, không có trọng tâm, chưa chú trọng đến lĩnh vực cần nguồn nhân lực chất lượng cao đang còn thiếu ở địa phương, do vậy, nguồn kinh phí của tỉnh bảo đảm cho việc chi trả còn gặp nhiều khó khăn;

- Nghị quyết cũng chưa quy định kinh phí hỗ trợ do cấp nào chi, theo

Quyết định số 06/2016/QĐ – UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND thì kinh phí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh, tuy nhiên trong thực tế có nhiều bất cập, vì có những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã được cử đi đào tạo sau đại học hoặc điều động luân chuyển nhưng lại chi hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là chưa phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Vì vậy, khi dự thảo Nghị quyết mới thay thế dự kiến sẽ bỏ phần chính sách hỗ trợ sau đại học với lý do sau:

- Tại điều 36, Nghị định số 101/2017/NĐ- CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức, viên chức khi được cấp chính quyền cử đi học đã được hỗ trợ về kinh phí đào đạo và nhận lương đầy đủ trong quá trình học tập, khi ra trường lại được hỗ trợ thêm là không hợp lý với tình hình ngân sách của tỉnh đang gặp nhiều khó khăn;

- Hiện nay, nhu cầu đào tạo sau đại học ngày càng nhiều và tỷ lệ tốt nghiệp sau đai học đạt loại khá giỏi cao, vì vậy nếu hỗ trợ thì hầu hết khi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học sau đại học đều được hỗ trợ về kinh phí sau đào tạo, việc này cũng gây áp lực cho nguồn kinh phí của tỉnh;

- Mức hỗ trợ sau đại học so với mức hỗ trợ luân chuyển, điều động quá cao, trong khi đó tính chất công việc lại khác nhau, cho nên quy định hỗ trợ sau đại học không phù hợp so với việc điều động, luân chuyển cán bộ công chức đi làm việc những vùng khó khăn;

*Về chính sách điều động, luân chuyển

Theo quy định tại của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thì Cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển về cơ sở vùng khó khăn cũng được hưởng chính như cán bộ, công chức, viên chức được sách điều động, luân chuyển về nơi có điều kiện kinh tế phát triển là chưa thể hiện tính công bằng của chính sách.

- Nghị quyết quy định khoảng cách để hưởng chính sách là "khoảng cách đơn vị công tác giữa nơi đi và nơi đến là 15 km trở lên", việc quy định này chưa hợp lý dẫn đến đến đối tượng áp dụng quá rộng, chưa phân biệt được địa bàn khó khăn, thuận lợi, chưa đảm bảo tính công bằng của chính sách.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị tăng mức hỗ trợ kinh phí để phù hợp với thực tế hiện nay.

- Cán bộ, công chức khi được điều động luân chuyển về cơ sở công tác được hưởng chế độ chính sách; khi hết thời hạn được điều động, luân chuyển về lại đơn vị cũ lại được hưởng theo chế độ điều động. Như vậy, với một cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách 2 lần trong thời gian được điều động luân chuyển.

- Về đối tượng áp dụng để được hưởng chính sách điều động, luân chuyển; chính sách hỗ trợ và ưu đãi phải được cấp có thẩm quyền quyết định, việc quy định cấp có thẩm quyền này còn chung chung dẫn đến khi triển khai thực hiện gặp khó khăn như: Giám đốc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hàng năm điều động, luân chuyển giáo viên Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, kế toán các trường

thuộc các cấp học, Giám đốc, phó Giám đốc các Trung tâm, bệnh viện thuộc ngành y tế đều được hưởng như các đối tượng thuộc tỉnh quản lý và quyết định điều động, luân chuyển là không phù hợp và khả năng cân đối nguồn ngân sách chi trả của tỉnh.

Vì vậy khi thay thế Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, UBND tỉnh dự kiến sẽ xây dựng dự thảo Nghị quyết thu hẹp đối tượng, xác định những địa phương khó khăn, nâng mức hỗ trợ kinh phí và điều chỉnh những bất cập nêu trên.

IV. DỰ KIẾN THỜI GIAN, NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Thời gian: Quý IV năm 2019

2. Nguồn lực: Căn cứ các Quyết định luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức của Ban Thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND huyện, thị xã, thành phố;

b) Về ngân sách: Ngân sách của tỉnh và của các huyện, thị xã, thành phố;

3.Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết khi được thông qua:

a) UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

b) Thường trực HĐND tỉnh, cac Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát, thực hiện Nghị quyết./.